

Mức tiền mặt được đòi ngay để bảo đảm sinh hoạt của mỗi cá nhân và mỗi hộ được quy định và công bố vào lúc bắt đầu đòi tiền. Số tiền còn lại trên mức đòi ngay được ghi là tiền thu đòi gửi tại Ngân hàng và sẽ được chuyển sang tiền gửi tiết kiệm hoặc tiền gửi Ngân hàng.

Số tiền ghi vào sổ tiết kiệm được rút ra để dùng theo yêu cầu của người gửi tiền.

Số tiền được ghi là tiền gửi Ngân hàng được phép rút ra cho nhu cầu sinh hoạt hoặc sản xuất, kinh doanh theo chủ trương, chính sách chung của Chính phủ và kế hoạch Nhà nước.

Các loại tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi Ngân hàng đều được hưởng lợi tức theo quy định.

Các khoản tiền tiết kiệm và tiền gửi Ngân hàng sẽ trả qua hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

7. Mức tồn quỹ bằng tiền mặt cần thiết được đòi ngay cho các xí nghiệp, cơ quan, đoàn thể, đơn vị hành chính sự nghiệp, các lực lượng vũ trang và công an... không được vượt quá mức do Ngân hàng Nhà nước quy định.

8. Các số dư tiền gửi tiết kiệm, số dư các tài khoản tiền gửi Ngân hàng, các tài khoản vốn của các xí nghiệp và hợp tác xã, tiền lương, tiền hưu bổng, các khoản phụ cấp, trợ cấp của Nhà nước..., giá chi đạo của Nhà nước (mua và bán), giá trao đổi trong nhân dân đã được các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn và cho niêm yết v.v... sẽ căn cứ theo tỷ lệ ấn định giữa đồng tiền Ngân hàng cũ ở mỗi miền với đồng tiền Ngân hàng mới để tính lại theo giá trị tiền mới.

9. Mỗi hộ, mỗi người có tiền được kê khai hết số tiền của mình và chỉ kê khai một lần và được đòi theo các mức quy định. Nghiêm cấm mọi hành động phân tán tiền, nhận tiền phân tán của người khác và các hành động lợi dụng, gian lận khác trong quá trình tiến hành thu đòi. Ai vi phạm (kể cả cán bộ, nhân viên Nhà nước làm công tác kê khai và thu đòi) sẽ bị xử lý theo luật pháp của Nhà nước.

10. Nghiêm cấm mọi hành động đầu cơ, nâng giá hàng, phao tin đồn nhảm, phá hoại tiền tệ của Nhà nước.

11. Mọi khiếu nại, sau khi đã hết thời hạn kê khai và thu đòi, giao Ngân hàng Nhà nước xét và giải quyết theo quy định của Nhà nước.

12. Hội đồng Chính phủ thành lập Ban thu đòi tiền ở trung ương để giúp Hội đồng Chính phủ chỉ đạo công tác thu đòi trong cả nước, và Ban thu đòi tiền ở các tỉnh, thành, huyện, quận, xã, phường để giúp Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức việc kê khai và thu đòi tiền theo đúng chủ trương, chính sách và các quy định cụ thể của Nhà nước.

Hội đồng Chính phủ kêu gọi toàn thể nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể của mình, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách, thời gian quy định và các thủ tục kê khai và thu đòi tiền, tôn trọng tổ chức và kỷ luật, góp phần tích cực vào việc hoàn thành thắng lợi công tác thu đòi tiền và củng cố hệ thống tiền tệ thống nhất của cả nước, ra sức phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước 1976 — 1980 trước mắt là kế hoạch Nhà nước năm 1978.

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 1978

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

**QUYẾT ĐỊNH số 88-CP ngày 25-4-1978
về mức tiền mặt được đòi ngay khi
thu đòi tiền trong cả nước.**

Tiếp theo quyết định số 87-CP ngày 25-4-1978 về việc thống nhất tiền tệ trong cả nước, phát hành tiền Ngân hàng mới, thu đòi tiền Ngân hàng cũ, Hội đồng Chính phủ quyết định mức tiền được đòi ngay khi thu đòi tiền như sau :

LawSoft Tel: +84-8-88888888 www.LawSoft.com

1. Đối với nhân dân thành thị :

a) Mỗi hộ độc thân được đòi ngay mức tối đa là 100 đồng Ngân hàng mới ;

b) Mỗi hộ gia đình có hai nhân khẩu được đòi ngay mức tối đa là 200 đồng Ngân hàng mới ;

c) Mỗi hộ gia đình có ba nhân khẩu trở lên được đòi thêm mỗi nhân khẩu 50 đồng Ngân hàng mới, nhưng mức đòi ngay cho hộ có nhiều nhân khẩu nhất không quá 500 đồng Ngân hàng mới.

2. Đối với nhân dân nông thôn :

a) Mỗi hộ độc thân được đòi ngay mức tối đa là 50 đồng Ngân hàng mới ;

b) Mỗi hộ gia đình có hai nhân khẩu được đòi ngay mức tối đa là 100 đồng Ngân hàng mới ;

c) Mỗi hộ gia đình có ba nhân khẩu trở lên được đòi thêm mỗi nhân khẩu 30 đồng Ngân hàng mới ; nhưng mức đòi ngay cho hộ có nhiều nhân khẩu nhất không quá 300 đồng Ngân hàng mới.

3. Đối với những người trong hộ tập thể :

như bộ đội, công an vũ trang, công nhân, viên chức, sinh viên... mỗi nhân khẩu được đòi ngay mức tối đa là 100 đồng Ngân hàng mới.

Các mức trên đây là mức đảm bảo ngay sinh hoạt bình thường của nhân dân khi thu hồi tiền tập trung. Số tiền còn lại được ghi là tiền thu hồi gửi tại Ngân hàng ; sau đó sẽ được xét chuyển sang tiền gửi tiết kiệm hoặc tiền gửi Ngân hàng. Người có tiền được rút ra cho sinh hoạt hoặc sản xuất theo thẻ thức quy định.

4. Đối với khách vắng lai :

a) Khách vắng lai giữa hai miền Nam Bắc được đòi ngay mức tối đa là 100 đồng Ngân hàng mới. Số tiền còn lại trên mức đó nộp cho bàn đòi tiền, lấy biên lai đem về Ngân hàng địa

phương mình cư trú xét và giải quyết theo quy định chung.

b) Những khách vắng lai khác được đòi ngay mức tối đa là 50 đồng Ngân hàng mới. Số tiền còn lại nộp cho bàn đòi tiền nơi kê khai, lấy biên lai đem về Ngân hàng địa phương mình cư trú xét và giải quyết theo quy định chung.

5. Đối với ngoại kiều :

a) Những ngoại kiều cư trú tại Việt Nam được hưởng quy chế như đối với người Việt Nam ;

b) Những ngoại kiều không cư trú tại Việt Nam được đòi ngay tất cả số tiền mặt mà họ có theo nguồn gốc số tiền đã thực lĩnh tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam.

6. Đối với tồn quỹ tiền mặt của cơ quan, đoàn thể, đơn vị bộ đội, các tổ chức kinh tế, xã hội và tôn giáo (gọi tắt là đơn vị).

a) Những đơn vị đã mở tài khoản và chịu sự quản lý tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước được đòi ngay số tiền mặt thực tế theo sổ quỹ, nhưng không được vượt quá mức tồn quỹ mà Ngân hàng Nhà nước đã quy định. Đối với một số đơn vị mà Ngân hàng Nhà nước chưa quy định mức tồn quỹ thì mức đòi ngay không quá 1000 đồng Ngân hàng mới ;

b) Những đơn vị chưa mở tài khoản tại Ngân hàng được đòi ngay số tiền mặt thực tế theo sổ quỹ, mức tối đa không quá 500 đồng Ngân hàng mới.

Số tiền mặt tồn quỹ vượt mức đòi ngay được cấp biên lai để chuyển vào tài khoản đã mở hoặc sẽ mở tại Ngân hàng Nhà nước và được rút ra cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh hoặc công tác... theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt của Nhà nước.

7. Tiền tồn quỹ của các ngoại giao đoàn hoặc những người hay cơ quan được hưởng quy chế

ngoại giao được xét đòi theo mức đã thực tế lĩnh tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam.

8. Những người hiện ở miền Nam có tiền Ngân hàng cũ miền Bắc và những người hiện ở miền Bắc có tiền Ngân hàng cũ miền Nam phải kê khai cụ thể, nộp số tiền ấy cho bàn đòi tiền, lấy biên nhận, và sau thời gian thu đòi sẽ được xét giải quyết như sau :

a) Nếu là số tiền có đủ chứng minh nguồn thu nhập chính đáng như tiền của cán bộ đi công tác, đi phép chưa chi hoặc chi không hết, của nhân dân đi lại giữa hai miền, nhân dân đi vùng kinh tế mới mang theo tiền miền Bắc... thì được gộp chung vào số tiền của hộ ấy để xét cho đòi thêm bằng tiền mặt hoặc chuyển thêm vào tiền gửi thu đòi tại Ngân hàng theo mức đã quy định ;

b) Nếu là số tiền do đầu cơ, buôn tiền, hoặc do thu nhập phi pháp khác, hoặc không có lý do chính đáng thì số tiền ấy coi như mất hết giá trị.

9. Việc xét đề chuyển tiền thu đòi gửi tại Ngân hàng sang tiền gửi tiết kiệm hoặc tiền gửi Ngân hàng được quy định như sau :

a) Nhân dân lao động có số tiền mặt trên mức được đòi có đủ chứng minh do lao động làm ra hoặc do nguồn thu nhập chính đáng, thì được chuyển sang tiền gửi tiết kiệm và được rút ra dễ dàng theo yêu cầu của người có tiền ;

b) Số tiền mặt trên mức được đòi ngay của các hộ kinh doanh công thương nghiệp được chuyển sang tiền gửi Ngân hàng và được rút ra theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh theo phương hướng kế hoạch Nhà nước, nếu được Ủy ban nhân dân xã, phường chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận hoặc tương đương phê chuẩn. Trường hợp nếu có người xin rút tiền

cho nhu cầu sinh hoạt thì phải xét từng lần và căn cứ vào các nguồn thu nhập khác của họ để xét ;

c) Tất cả số tiền mặt do đầu cơ, buôn lậu, nhận tiền phân tán và do các nguồn thu nhập khác không chính đáng mà có đều bị tịch thu.

10. Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố hướng dẫn các huyện, quận hoặc tương đương thành lập Hội đồng gồm có đại diện của các cơ quan tài chính, ngân hàng và công an để xét và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các điểm 8 và 9 nói trên.

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 1978

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

QUYẾT ĐỊNH số 97-CP ngày 28-4-1978 về quân nhân chuyên nghiệp.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào nghị định số 87-CP ngày 22-6-1961 của Hội đồng Chính phủ ban hành chế độ phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên nghiệp trong quân đội ;

Căn cứ vào nghị định số 307-TTg ngày 20-6-1958 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ quy định quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và lễ phục của quân đội ;